

# Chân Trời Mới

Văn Phẩm Nguồn Sống – Cơ Quan Truyền Thông Tin Lành

## Thế Giới Ngày Nay

### **Palestine**

Trong cuộc đại tấn công vào vùng Tây Ngạn sông Jordan, Israel không những đặt mục tiêu là bắt hay hạ sát các phần tử vũ trang Palestine. Vì chính những người này gây ra phong trào ôm bom cảm tử, giết hại người Israel. Nhưng Israel còn chú trọng đến những đồn trại của cảnh sát Palestine, các nhà tù, cũng như những cơ chế trong chính quyền Arafat. Việc Israel giam lỏng Arafat ngay trong bản doanh đồ nát và trống không của ông, không làm cho Arafat nổi danh, mà ngược lại. Người dân Palestine hiện đang bất mãn chính quyền Palestine, vì chính quyền này gần như hoàn toàn bất lực, để mặc Israel tung hoành. Trước tiên là các lực lượng bảo vệ Arafat đầu hàng, sau đó là cảnh sát. Cuộc chiến chống Israel hoàn toàn phó mặc trong tay các tổ chức dân quân vũ trang như Hamas, Islamic Jihad và nhóm Fatah của Arafat. Những người đang chiến đấu và gia đình của họ đã nói rằng: “Kẻ thù của chúng tôi bây giờ là chính quyền Palestine, vì dường như họ không hành động gì cả để bảo vệ chúng tôi.” Một số người Palestine còn cho rằng có một âm mưu nào đó trong hàng lãnh đạo Palestine nhằm bán đứng dân tộc này cho Israel. Những thành phần vũ trang chiến đấu tuyên bố rằng: “Chúng tôi không còn tin tưởng vào chính quyền Palestine, vì hiện nay chính quyền đó không còn tồn tại nữa.” Câu nói này là của Jamal Abu al Haija, một lãnh đạo của tổ chức dân quân Hamas trong vùng Jenin. Ngay cơ của Arafat hiện nay là, dù cho có đình chiến và trở lại hòa

dàm chẳng nữa, thì uy quyền của ông cũng đã mất hẳn và không ai còn tin tưởng quyền lãnh đạo của ông ta. Arafat hiện đang ngưng chức người này, chuyển người kia trong hàng ngũ lãnh đạo. Nhưng bản thân ông ta vẫn chưa biết ngày nào ra khỏi Ramallah.

### **Trận chiến Jenin**

Trong trận tổng tấn công vào Jenin, Israel bị thiệt mất 13 lính vì đập phải mìn bẫy và bị phục kích. Bên Palestine có khoảng 200 lính và dân thiệt mạng. Nhưng con số lính dân quân Palestine đầu hàng lên đến vài trăm nữa. Trong khi đó thì không một lính Israel nào bị bên kia bắt cả. Đây là một cuộc càn quét các phần tử vũ trang Palestine chứ không phải một trận chiến giữa hai quân đội.

### **Khối Ả-rập không tham chiến**

Tổng thống Mubarak của Ai-cập hiện là người quyết định liệu khối Ả-rập có tham chiến chống Israel hay không, và Arafat cũng chỉ trông chờ cứu viện từ Ai-cập. Nhưng Mubarak đã tuyên bố: *Có diên khùng mới làm chiến trong lúc này.* Vì nguyên chỉ ký kết hoà ước với Israel năm 1979 mà Ai-cập được Mỹ viện trợ trên mười tỷ đô-la, dĩ nhiên là còn kém Israel nhiều. Quân đội Ai-cập có hơn Syria thật, nhưng so với Israel thì hoàn toàn thua xa. Mubarak hiện đang ở trong tình trạng trên đe dưới búa. Vì người tiền nhiệm của ông là cố TT Anwar Sadat, đã bị các phần tử cấp tiến Hồi Giáo hạ sát, chỉ vì ký kết hòa bình với Israel. Chính Mubarak cũng đã bị đe dọa. Vì thế mà cho đến nay vẫn một

mình người Palestine chịu đòn của Israel với sự hỗ trợ của Washington vì người ta cho rằng Israel đang đóng góp vào việc tiêu trừ các thành phần chuyên gây khủng bố quốc tế.

### **Trận chiến Luân Lý**

Trong khi nhiều người lo ngại rằng cuộc chiến tại Palestine có thể châm ngòi cho trận đại chiến sau cùng của thế giới mà Kinh thánh đã nói đến, thì cuộc chiến luân lý đạo đức đang cháy mạnh tại Mỹ, giữa vòng các tu sĩ Công giáo. Một nhân vật Công Giáo đã cho rằng đây là một vụ Water Gate của Công giáo tại Hoa-kỳ ngày nay.

Ngoài các hình phạt do luật pháp ấn định, các tu sĩ phạm pháp thường được đổi đi nơi khác, chứ không bị loại. Giáo hội cũng từng bỏ ra nhiều món tiền lớn để bồi thường cho các nạn nhân. Tại Dallas, cho đến nay giáo hội đã phải bỏ ra 31 triệu đô-la bồi thường. Tại Santa Fe, N.M. thì số tiền bồi thường lên đến 50 triệu đô-la.

Người ta coi đây như một tệ đoan của xã hội. Vì thế cơ quan FBI mới thông báo trên truyền hình là nếu ai biết rõ các vụ vi phạm luân lý trong hàng tu sĩ Công giáo thì mạnh dạn tố cáo. Tuy nhiên đây là các hành vi phạm tội của những con người tu hành.

Người ta vẫn chưa có những biện pháp kỷ luật của Giáo hội, mà chỉ chờ đợi nơi tòa án phân xử.

Ai cũng có thể bị cám dỗ và phạm tội, tuy nhiên các tu sĩ phạm tội, giáo hội bồi thường cho các nạn nhân, riêng họ được chuyển đổi đi nơi khác, bấy nhiêu chưa đủ, vì phạm tội là phạm tội trên hết với Chúa

Cho đến nay, dư luận chỉ nói đến danh dự của giáo hội bị hoen ố mà không ai đề cập đến vấn đề danh Chúa bị xúc phạm và sỉ nhục.

Người ta đang trông mong Giáo Hội Công giáo tổ chức những buổi tĩnh nguyện dành riêng cho giới tu sĩ để nhiều người có dịp xưng tội với Chúa cho được tha tội và tái tạo cuộc đời.

Có như thế mới mong vượt qua được vụ Water Gate ghê gớm này. Vì tội lỗi không phải chỉ bị luật pháp lên án là đủ, và bồi thường là xong. Tội phạm là phạm với Chúa. Khi chưa được Chúa tha tội thì dù ở đâu cũng không thể xứng đáng là người mang danh Chúa.

**Chủ Nhiệm & Chủ Bút:**  
Nguyễn Sinh  
**Giám Đốc điều Hành:**  
Hồ Xuân Phú

## Đức Tin và Khoa Học

*"Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên trời đất"*

Có hai quan niệm về nguồn gốc của vũ trụ. Người vô thần cho rằng vũ trụ này tự nhiên mà có; còn những Cơ Đốc Nhân, tin vào câu đầu tiên của Kinh Thánh "Ban đầu, Đức Chúa Trời dựng nên trời đất". Đây là hai niềm tin, hai ý tưởng khác nhau, không thể chứng minh được. Nói theo ngôn ngữ khoa học, đó là những tiên đề.

Trong Kinh Thánh có rất nhiều đoạn khẳng định vai trò của Đấng Sáng Tạo: "Các tầng trời được làm nên bởi Lời Đức Giê-hô-va, Cả cơ binh trời bởi hơi thở của miệng Ngài mà có" (Thi Thiên 33:6); "Bởi Đức Tin chúng ta biết rằng thế gian đã làm nên bởi Lời của Đức Chúa Trời, đến nỗi những vật bầy ra đó đều chẳng phải từ vật thấy được mà đến" (Hê-bơ-rơ 11:3)... Dưới đây xin bàn thêm về một đoạn điển hình khác: Sáu câu đầu của Thi Thiên 19.

**1 Các tầng trời rao truyền sự vinh hiển của Đức Chúa Trời,  
Bầu trời giải tỏ công việc tay Ngài làm.  
2 Ngày này giảng cho ngày kia,  
Đêm này tỏ sự tri thức cho đêm nọ.  
3 Chẳng có tiếng, chẳng có lời nói;  
Cũng không ai nghe tiếng của chúng nó.  
4 Dây đo chúng nó bủa khắp Trái Đất,  
Và lời nói chúng nó truyền đến cực địa.  
Nơi chúng nó Ngài đã đóng trại cho Mặt Trời;  
5 Mặt Trời khác nào người tân lang ra khỏi phòng huê chúc,  
Vui mừng chạy đua như người dưng sĩ.  
6 Mặt Trời ra từ phương trời này,  
Chạy vòng giáp đến phương trời kia;  
Chẳng chi tránh khỏi hơi nóng Mặt Trời được.**

Thơ diễn ý:

*1 Vinh quang Chúa các tầng trời  
truyền tụng,  
Vũ trụ trăng sao, dấu ấn tay Ngài.  
2 Hết đêm thâu lại nối tiếp ngày  
dài,  
Chân lý ấy được tỏ bày lạng lẽ.  
3 Một lời thôi, dù thì thâm khe kẽ,  
Tiếng nói thiên nhiên chẳng thể  
ai nghe.  
4 Nhưng chúng bủa vây Trái Đất  
bốn bề,  
Tận cực địa, nơi Vàng Dương  
đóng trại.  
5 Rực rỡ Mặt Trời, như tân lang  
ngày cưới,  
Ra khỏi phòng, lòng phấn khởi  
hân hoan,  
Rạo rực xoắn xang, hạnh phúc  
dâng tràn,  
Như dưng sĩ vui rộn ràng đua  
chạy.  
6 Vàng Thái Dương từ phương  
đông thức dậy,  
Lượn suốt một vòng, ngủ lại  
phương tây,  
Chiếu sáng trần gian, khắp Trái  
Đất này,  
Tỏa hơi ấm, nuôi muôn loài  
trăm họ.*

Ngay từ câu 1, Đa-vít đã khẳng định các tầng trời đang truyền tụng về vinh quang Chúa, vũ trụ trắng sao là dấu ấn tay Ngài. Nói cách khác, chúng ta không cần tìm sự hiện hữu của Chúa ở đâu xa, cứ nhìn lên bầu trời là thấy chính Ngài rồi. Ngày nay, con người có thể làm ra nhiều loại đồng hồ khá chính xác, nhưng không có cái nào chính xác bằng sự chuyển động của các thiên thể. Đó là đồng hồ chuẩn mà các nhà thiên văn dùng để hiệu chỉnh lại giờ cho toàn thế giới. Chỉ cần nêu một điểm đó cũng đủ thấy Chúa đã tạo dựng nên vũ trụ này chính xác và trọn vẹn biết chừng nào. Liên hệ với Tân Ước: "**Ban đầu có Ngôi Lời, Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời, và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời... Muôn vật bởi Ngài làm nên, chẳng vật chi đã làm nên mà không bởi Ngài.**" (Giăng 1:1,3).

Ngôi Lời chính là Chúa Cứu Thế Giê-xu. Như vậy có thể nói rằng chính Chúa Giê-xu đã tạo dựng nên toàn bộ vũ trụ này. Vinh quang của Đức Chúa Trời chính là vinh quang của Chúa Cứu Thế Giê-xu như Hê-bơ-rơ 1:3 đã khẳng định: "**Con là sự chói sáng của vinh hiển Đức Chúa Trời và hình bóng của bốn thể Ngài.**"

Câu thứ hai chỉ cho thấy rằng hết đêm thâu lại tiếp đến ngày dài, những điều kỳ diệu mà Đức Chúa Trời làm nên được bày tỏ cho nhân loại cách liên tục. Bất kỳ lúc nào, chúng ta cũng có thể thấy sự cao cả uy nghi và vĩ đại của Đức Chúa Trời, và do đó thấy được Ngài, trừ những ai cố tình chối bỏ chân lý về Đấng Sáng Tạo. Tuy nhiên Đức Chúa Trời không dùng lời để quảng cáo rùm beng cho mình như con người thường làm. Không ai nghe được tiếng nói thiên nhiên theo nghĩa trần tục, nhưng nó bủa vây khắp Trái Đất, lắng vào tâm linh con người cách nhẹ nhàng mà sâu thẳm như câu thứ ba và thứ tư

đã phản ánh. Tân Ước cũng có chỗ nhấn mạnh đến điều này: "**Như vậy Đức Tin đến bởi sự người ta nghe, mà người ta nghe là khi lời của Đấng Christ được rao giảng. Nhưng tôi hỏi: có phải là họ chưa nghe chăng? Trái lại, tiếng của các sứ giả đã vang khắp đất, và lời của sứ giả đã đạt đến cùng thế gian.**" (Rô-ma 10:17,18). Sứ giả của Đức Chúa Trời không phải ai xa lạ mà chính là cái thiên nhiên hùng vĩ diệu kỳ ở ngay bên ta. Trong các cấu trúc và quá trình "tự nhiên" đã tiềm ẩn bằng chứng phong phú về quyền năng vĩnh cửu của Đức Chúa Trời, làm cho con người không thể chạy tội được khi họ "**đối vinh hiển của Đức Chúa Trời không hề hư nát lấy hình tượng của loài người hay hư nát, hoặc của điều, thú, côn trùng.**" (Rô-ma 1:23).

Câu thứ năm thật là một ý thơ tuyệt diệu. Mặt Trời được ví như tân lang ra khỏi phòng huê chúc, lòng xốn xang rạo rực hạnh phúc, chạy đua quên mệt mỏi như một chàng dũng sĩ. Đức Chúa Trời đã làm nên Mặt Trời để cai trị ban ngày (STK. 1:16), nhưng đồng thời cũng để phục vụ, cung cấp năng lượng, và do đó là nguồn sống trên Trái Đất. ẩn dụ coi Mặt Trời như một tân lang có vẻ hơi lạ. Nhưng khi đọc Tân Ước, chúng ta thấy rõ đó là hình ảnh vô cùng đẹp đẽ, tượng trưng cho Đấng Sáng Tạo, tức là Chúa Cứu Thế Giê-xu. Mặt Trời mang nguồn sống vật chất đến cho nhân loại, còn Chúa Giê-xu mang đến cho chúng ta không chỉ thức ăn thuộc thể mà còn cả nguồn sống tâm linh nữa. Ngài phán: "**Ta là Con Đường, Chân Lý và Nguồn Sống...**" (Giăng 14:6). Ngài chính là vị Tân Lang thiên thượng, đến trần gian để tạo nên Cô Dâu của mình đó là Hội Thánh. Ngài cũng chính là lực sĩ chạy thi, đang cố vũ động viên chúng ta, những người thuộc về

Hội Thánh của Ngài, rằng "...**hãy quăng hết gánh nặng và tội lỗi để vác vương, lấy lòng nhin nhục theo đòi cuộc chạy đua đã bày ra cho ta, nhìn xem Đức Chúa Giê-xu là cội rễ và cuối cùng của Đức Tin, tức là Đấng vì sự vui mừng đã đặt trước mặt mình, chịu lấy Thập Tự Giá, khinh điều sỉ nhục, và hiện nay ngồi bên hữu Đức Chúa Trời.**" (Hê-bơ-rơ 12:1,2). Câu thứ sáu nói rằng Mặt Trời mọc ở phương trời này, lặn ở phương trời kia. Đây là căn cứ để những người vô tín chê cười Kinh Thánh, cho Kinh Thánh là sai. Thật ra trong vũ trụ này không có sự đứng yên hay chuyển động tuyệt đối. Khi bàn đến chuyển động ta phải luôn luôn gắn với một cái mốc nào đó.

Giả sử A và B ngồi trên tàu hỏa đang chạy, còn C đứng ở sân ga vẫy chào. Khi tàu chuyển bánh, C phát biểu rằng A và B đang chuyển động cùng với con tàu (đúng!). A lại nói: B đang ngồi yên, C mới đang chuyển động (cũng đúng; vì C cứ xa dần A và B). Một quan sát viên đứng ngoài Trái Đất sẽ thấy cả A, B, và C đều đang chuyển động (cũng đúng; vì C cũng quay theo Trái Đất). Rõ ràng cả ba người đều nói đúng. Tùy theo điểm quan sát mà chúng ta có những nhận xét khác nhau.

Đối với chuyển động của Mặt Trời cũng vậy. Nếu đứng ở Mặt Trời sẽ thấy Trái Đất quay quanh Mặt Trời mỗi năm một vòng. Nhưng quan sát viên ở Trái Đất nhất định phải thấy Mặt Trời quay quanh Trái Đất mỗi vòng hết 24 giờ, nghĩa là Mặt Trời mọc ở phương này lặn ở phương kia. Cả hai nhận xét đều đúng vì hai điểm quan sát là khác nhau. Điều này được gọi là tính tương đối của chuyển động. Ai khẳng định rằng Trái Đất quay quanh Mặt Trời mới là "chân lý" thì người đó đã không hiểu về tính

tương đối này, chứ Kinh Thánh là hoàn toàn đúng.

Câu thứ sáu còn khẳng định mọi vật đều không tránh khỏi ánh nắng Mặt Trời (Nghĩa bóng là không có điều gì có thể giấu được mắt Chúa). Nhưng đồng thời câu này cũng có nghĩa là Chúa ban ánh sáng Mặt Trời để nuôi sống tất cả mọi loài được Ngài thọ tạo.

Quả thật như vậy, thực vật và động vật trên Trái Đất sống được là nhờ năng lượng Mặt Trời. Ai cũng biết, những cây nào bị rợp (thiếu ánh nắng) thì không sinh trái được hoặc nếu có thì cũng không ngon ngọt. Còn nếu mất hẳn nguồn năng lượng này thì trời đất sẽ tối hơn đêm ba mươi, mọi cây cối và sinh vật sẽ chết rết ngay, chưa nói đến chuyện chết đói.

#### Kết Luận:

Để kết luận, xin kể lại một câu chuyện mà chắc nhiều người đã biết.

Newton, nhà bác học vĩ đại, đặt nền móng cho cơ học cổ điển, có một người bạn rất giỏi nhưng lại theo chủ nghĩa vô thần. Đã nhiều lần ông muốn dùng lý luận để thuyết phục người bạn đó, nhưng không được. Ông bèn dựng nên một mô hình Hệ Thống Mặt Trời rất đẹp, gồm có Mặt Trời và các hành tinh quay xung quanh theo những quỹ đạo khác nhau, rồi đặt trong phòng làm việc. Một hôm, ông bạn vô thần đến chơi, tấm tắc khen ngợi mô hình ấy, rồi hỏi "Ai đã làm cho cậu cái mô hình đẹp thế?" Newton bảo: "Chẳng ai làm cả, tự nhiên mà có đấy!" Ông bạn quả quyết là Newton đã nói dối. Newton cười hóm hỉnh rồi nói "Cái mô hình tầm thường này mà cậu không tin là tự nhiên mà có, thì tại sao cậu lại tin rằng cả cái vũ trụ vĩ đại đang hoạt động tuyệt đối nhịp nhàng lại không cần một Đấng Sáng Tạo?" Ông bạn vô thần đành

chịu thua, và từ đó tin rằng chính bàn tay kỳ diệu của Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên muôn vật, muôn loài trong vũ trụ.

Chúng ta đã từng được học nhiều giả thuyết về nguồn gốc vũ trụ, mỗi giả thuyết chỉ sống một thời gian rồi bị giả thuyết khác thay thế. Sở dĩ như vậy là vì tất cả các giả thuyết đều loại bỏ vai trò của Đấng Sáng Tạo.

Chúng ta đã có một chân lý vĩ đại, đó là câu đầu tiên của Kinh Thánh: "*Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên trời đất*". Ngài đã dựng nên toàn bộ vũ trụ trong sáu ngày chỉ bằng những lời phán. Chân lý này phải đúng và tồn tại vĩnh viễn. Đó chính là nguồn gốc của vũ trụ. Cơ Đốc Nhân luôn được phép tự hào về niềm tin ở Đấng Sáng Tạo. Xin anh chị em hãy cùng tôi giữ vững niềm tin ấy và lấy ca vịnh thơ thánh cất cao tiếng hát tôn vinh Ba Ngôi Đức Chúa Trời, Đấng Sáng Tạo, Cha yêu thương từ ái của chúng ta!

Phan Như Ngọc  
[pnnogoc@gmx.net](mailto:pnnogoc@gmx.net)

Mừng Ngày Dành Cho Mẹ  
Cầu xin Chúa ban ân lành  
cho mỗi bà mẹ để tiếp tục  
thiên chức nuôi dưỡng con cái  
trong niềm tin đặt nơi Chúa  
để đảm bảo hạnh phúc ở đời,  
và được thỏa lòng.

Ngọn Nến  
Lung Linh

Ái Tâm

Vào đến phòng 315 vừa lúc người y tá bừng khai thức ăn ra cửa, bước nhẹ đến bên cạnh giường, hưởng tầm mắt theo ánh

mắt bà Tư, Ngọc bắt gặp vạt nắng nhạt yếu cuối ngày rơi đọng trên tàng cây phượng tím. Nhìn vạt nắng, rồi nhìn lại bàn tay gầy guộc với làn da khô cằn nhăn nheo, nghe hơi thở đứt quãng của bà Tư, Ngọc thấy trong lòng xốn xang một niềm thương, và nhẹ buông tiếng thở dài. Nghe tiếng động bà Tư quay lại, giọng nhẹ như hơi thở:

-Ừa, con đến lúc nào mà mẹ không hay.

-Con đến khi người y tá bừng khay thức ăn ra, nhưng thấy mẹ đang ngắm vạt nắng bên ngoài con không dám làm mất đi những giây phút suy tư của mẹ. Xin lỗi mẹ, đáng lẽ con đến sớm để giúp mẹ ăn chiều, nhưng trên đường có tai nạn nên bị kẹt xe con đến trễ.

-Có chi đâu con, tại chị em con lo lắng cho mẹ nhiều quá chứ ở đây mấy cô y tá tận tình lo cho mẹ.

-Bữa nay mẹ ăn được không?

-Mẹ ăn được nửa chén súp, với nửa cái bánh lát.

Cầm tay bà Tư, Ngọc xót xa:

-Mẹ gầy quá, chỉ còn da với xương, mẹ ráng ăn vào cho mau mạnh về với tụi con, mấy cháu cũng nhờ bà nội nhiều rồi, cứ đòi đi thăm mãi mà nhà con bảo chúng nó đến đâu cũng cãi nhau ồn ào, không chịu cho đi.

-Mẹ cũng nhớ tụi nhỏ lắm. Ngày mai con chở Út vào cho nội thăm cho đỡ nhớ nghe con. Ba mẹ đi làm hết, không có nội nhắc nhở thế nào cũng lén xem truyền hình chẳng lo làm bài tập đâu.

-Vì vậy mà mấy ngày nay bị nhà con phạt, la rầy hoài.

-Con nít mà, làm sao không ham chơi được.

-Nhưng cũng phải la rầy, phạt vạ chứ không thì vài bữa không nói được đâu mẹ ạ. Con nít bây giờ nó lạnh lắm.

-Con thăm mẹ vậy đủ rồi, con về còn lo cho cha con thằng Quang nữa. Đi làm cả ngày cực khổ, về còn thăm lo cho mẹ, rồi về nhà còn cơm nước, bao nhiêu là chuyện vặt

trong nhà, không có mẹ chỉ có mình con lo mọi thứ, chứ một bầu con trai có giúp gì được cho con đâu.

-Chúng nó ngoan như vậy là con mừng rồi, có mẹ ở với tụi con, mẹ giúp các cháu sống có nề nếp chứ con của bạn con gây biết bao đau khổ cho cha mẹ.

-Dù chi thì mẹ đau cũng làm khổ con cháu thôi. Buổi sáng thì mấy đứa em con thay nhau chạy vào, trưa thì chị con, tối vợ chồng con, mà đứa nào cũng đấu tất mặt tối, mẹ không giúp gì được mà còn làm khổ cho con.

-Sao mẹ nghĩ như vậy? Cả cuộc đời mẹ đổ ra cho chồng, cho con rồi cho cháu, mẹ có ngày nào sung sướng đâu, đến khi được nằm nghỉ thì lại nằm trên giường bệnh. Nghĩ tới mẹ tụi con vừa thương mẹ, vừa xấu hổ cho mình. Mẹ đừng lo, bữa nay nhà con bận họp, về cũng trễ, sáng nay con nấu thức ăn rồi, con có dặn Sang đi học về nấu nồi cơm và làm sa-lách, khi nhà con về là ăn cơm thôi. Bữa nay thấy mẹ có vẻ khỏe hơn mọi hôm, con mừng, con muốn ở đây chơi với mẹ một tí. Nằm trong này vắng vẻ mẹ buồn không, nhất là mỗi ngày tụi con chỉ ghé thăm mẹ có một tí thôi.

-Mẹ không buồn đâu con, chỉ nhớ con cháu thôi. Trong cuộc đời của mình có những lúc ồn ào, vui nhộn, nhưng cũng cần những lúc yên vắng, một mình con à.

-Suốt cuộc đời làm vợ, làm mẹ có khi nào mẹ cảm thấy chán nản, cô đơn không mẹ?

Bà Tư khẽ lắc đầu:

-Buồn, cô đơn thì có, nhưng chán nản thì không. Mẹ biết ba và các con thương mẹ lắm, nhưng không phải lúc nào mọi người cũng hiểu, cảm thông được với mẹ. Mỗi người một tâm tính, mình cũng không đòi hỏi hơn được con ạ.

-Riêng con, chắc là làm mẹ buồn nhiều, nhất là những ngày con mới

về làm vợ anh Trung, con thành thật xin lỗi mẹ.

Bà Tư vội cắt ngang câu nói ngập ngừng của Ngọc:

-Đâu có gì mà con lo nghĩ, mẹ chỉ làm điều Chúa dạy và giúp mẹ làm mà thôi. Bây giờ con có con, con cũng biết có đứa con nào không một lần làm cha mẹ buồn, nhưng con có nhớ hoài những lỗi lầm đó đâu, con vẫn thương yêu, vẫn tin cậy và hy vọng nơi các con của con mà! Mẹ cũng vậy, mẹ thương con như con gái của mẹ.

Ngọc rướm nước mắt:

-Dạ, con biết...

Siết bàn tay bà Tư như tìm thêm can đảm, Ngọc nói tiếp:

-Ngày anh Trung mới cưới, con nghĩ để bảo vệ tình yêu của tụi con, con cố nắm giữ anh cho riêng mình. Con ghen khi thấy anh Trung gần gũi, thương yêu ba mẹ và các chị em trong nhà. Nhiều lúc con làm ảnh khó chịu và khó xử. Nhất là với mẹ, ác cảm về bà mẹ chồng trong con rất sâu. Thấy mẹ què mùa, khổ cực con không trọng mấy, nhưng rồi sống gần mẹ, con học được quá nhiều điều từ mẹ mà từ nhỏ đến lớn con chưa được học biết. Với ba, mẹ là người vợ hiền, thương yêu, kính trọng, chăm sóc tận tình, điều mà con cần học nơi mẹ trong việc đối xử với chồng là mẹ rất tôn trọng ba. Với con cháu, mẹ thương yêu, hy sinh hết lòng, tuy là dâu nhưng mẹ xem con như con gái và mẹ cũng dạy chị em trong nhà đối với con như vậy. Tính nhân hậu của mẹ không chỉ dành cho gia đình mà mẹ đối xử với mọi người đều như vậy. Mẹ rất quý ba, quý con, nhưng mẹ không ôm ấp, nắm giữ cho riêng mình và điều đó giúp con trưởng thành hơn trong tình cảm. Sau những năm chung sống, con mới hiểu; con có chỗ đứng trong tấm lòng, đời sống anh Trung và mẹ cũng có một chỗ đứng riêng, không ai dành của ai, và nếu mình gần gũi hỗ trợ nhau thì giúp cho tình cảm ấy sung túc,

đồi dào chứ không với cạn, khô cằn. Điều mà con ao ước hơn hết là có đức tin, đơn sơ, chân thành như mẹ. Mẹ tin cậy Chúa rất trọn thành, dường như cầu nguyện với Chúa là hơi thở của mẹ. Mọi vấn đề vui buồn, nhỏ lớn mẹ đều dâng lên Thiên Chúa, dù bao năm tháng trong đời mẹ biết bao thăng trầm, khổ cực, nghèo hèn nhưng con thấy trong mẹ hình ảnh Thánh Kinh tả về người tín hữu thật của Chúa, và con nghĩ đó là hình ảnh thật của mỗi người mẹ cần phải có: *"Tưởng như buồn bực, nhưng luôn vui mừng; như nghèo cực, nhưng làm cho nhiều người giàu có; như chỉ có hai bàn tay trắng, nhưng lại có tất cả mọi sự" .....*

Ra khỏi bệnh viện, thành phố cũng vừa lên đèn, Ngọc cảm thấy khá mệt mỏi sau một ngày dài với quá nhiều thứ phải đối diện trong cuộc sống, nhưng nghĩ đến giây phút ngồi nói chuyện với Bà Tư, Ngọc thấy điều gì đó đem lại cho lòng Ngọc sự ấm áp thân thương. Đưa xe vào những con đường quen thuộc, hôm nay Ngọc về trễ nên xe cộ thưa vắng. Con đường này đi về nhà Ngọc khá xa, nhưng Ngọc thích, vì hai bên đường nhà nào cũng trồng rất nhiều hoa. Nhìn những đóa hoa muôn màu, muôn loại đong đưa theo chiều gió, hay e ấp trong ánh đèn tạo cho chúng vẻ huyền hoặc gọi mời. Ngọc cảm thấy những căng thẳng, mệt nhọc của một ngày làm việc như với đi... Dường như từ ngày về làm vợ Trung, Ngọc bắt đầu biết yêu màu nắng, biết yêu tiếng gió xào xạc nơi bụi chuối sau hè, biết yêu tiếng ru à ơi cùng những điệu hò đồng nội, biết yêu những đóa hoa, dù là những cánh hoa dại ven đường. Những điều đó Trung được mẹ ươm vào đời sống từ khi bé dại, và đến khi Ngọc vào gia đình, cả hai bắt đầu cấy trồng vào đời sống Ngọc. Thật ra lúc đầu Ngọc đứng đưng, xem thường, khinh khi những gì Ngọc cho là quê mùa đó. Nhất

là với bà Tư, một người đàn bà từ bé tới già chỉ biết có ruộng vườn. Thêm vào đó, những người bạn, người thân bảo với Ngọc là làm dâu cho những bà già có con trai một nếu không chết thì cũng ở ... góa. Ngọc không hiểu những người thân của mình dựa vào đâu để kết luận như vậy. Dù sao thì những lời nói đó cũng ảnh hưởng trên Ngọc khá nhiều trong những năm đầu về sống với Trung. Bất cứ điều gì của gia đình Trung, Ngọc cũng chê quê mùa, dơ bẩn, thiếu văn minh... Nhất là với bà Tư, Ngọc luôn giữ khoảng cách nào đó dù đôi khi Ngọc thấy bà cố gắng thân thiện, chiều chuộng, nín chịu tính tình bất thường của Ngọc, khiến Ngọc cũng cảm động, nhưng thành kiến về bà mẹ chồng quê mùa vẫn không thay đổi trong Ngọc. Có lần Ngọc nghe được câu chuyện của ba mẹ Trung mà không bao giờ Ngọc quên được:

... dù cho con cái ăn học để nó tiến thân, không vất vả như mình, nhưng cốt cán mình vẫn nhà nông, mình vẫn dạy dỗ con cái nếp sống thế nào mà ở tỉnh cũng sống được mà về quê cũng hòa nhập được, vậy mà thằng Trung cưới con vợ tỉnh thành, không hòa hợp được với ai, mà kênh kiệu phiền lòng nhiều người.

-Sao ông không nói trước khi tụi nó cưới nhau, bây giờ đã là dâu con trong nhà thì mình dạy dỗ thương yêu chứ than van gì nữa.

-Buồn buồn nói bà nghe vậy chớ than van gì, thấy thằng Trung nói mà con Ngọc không nghe còn cãi chày, cãi cối nữa thì biết nói sao chừ. Trước kia, khi Trung về xin cưới tui đã đặt vấn đề với nó rồi, nó bảo trong những người nó quen thì Ngọc hiền lành và biết vâng lời nên nó mới chọn. Trong đời này ai dò lòng người được phải không bà. Tui chỉ mong tụi nó biết kính sợ Chúa và thật lòng thương nhau để gia đình được êm ấm mà thôi.

-Tui thì cũng buồn, nhưng nghĩ mình thương con trai thì cũng thương con dâu, cũng như thương con gái thì thương con rể, con nào cũng là con mà. Nhiều lúc thấy thái độ kênh kiêu, coi thường mình của con dâu mà buồn, nhưng rồi tui nghĩ đến bà Na-ô-mi, mẹ chồng của Ru-tơ, không biết bà sống thế nào mà Ru-tơ bỏ cả gia đình, làng xóm, dân tộc mà theo Na-ô-mi về quê chồng ngay cả khi chồng đã chết. Kinh Thánh không ghi rõ cách Na-ô-mi sống cho tui để học theo, nhưng tui nghĩ câu chuyện Na-ô-mi và Ru-tơ được ghi lại như cái gương cho những người làm cha mẹ chồng, cha mẹ vợ noi theo. Chắc là Na-ô-mi phải tôn kính, thương yêu Chúa lắm, phải không ông? Và bà cũng thương yêu con dâu như con trai mình nên dù con trai bà đã chết, khi bà quyết định trở về quê hương, bà bảo hai con dâu trở về nhà cha mẹ ruột, nhưng Ru-tơ vẫn nhất định: "Xin đừng ép con lìa mẹ, vì mẹ đi đâu con sẽ đi đó, mẹ ở nơi nào con sẽ ở nơi đó. Dân tộc của mẹ tức là dân tộc của con, Đức Chúa Trời của mẹ tức là Đức Chúa Trời của con, nơi nào mẹ chết, con muốn được chết và chôn nơi ấy. Trừ cái chết ra, nếu con bỏ mẹ bất cứ vì lý do nào, xin Chúa phạt con nặng nề." Ông biết không, mỗi ngày tui phải cầu nguyện nhiều xin Chúa giúp tui thương Ngọc như Na-ô-mi thương Ru-tơ vậy, mà dâu phải dễ, nhiều lúc tui phải nuốt nước mắt mà nhìn dâu mình....

-Rồi tình thế thay đổi, gia đình ba má Ngọc ra đi, Trung đi tù trong thời gian Ngọc mang thai đứa con đầu, Ngọc về sống với ba mẹ của Trung. Trong những ngày tâm tư rối bời, vừa lo cho Trung đi không hẹn ngày về, vừa lo cho đứa con trong bụng, vừa không được tin tức ba má của Ngọc, thêm niềm thương nỗi nhớ ngút ngàn, lắm khi Ngọc tưởng mình không đủ sức chịu đựng trong hoàn cảnh ấy,

nhưng bà Tư, mẹ Trung, giúp Ngọc vượt qua những hoàn cảnh đó. Trong những ngày Ngọc nằm vùng sâu khổ, bà Tư vừa bôn ba buôn bán kiếm thêm miếng ăn cho gia đình, vừa chăm từng muỗng cháo, đút từng muỗng cơm, lo cho Ngọc như lo cho đứa con nhỏ, an ủi, nâng đỡ Ngọc từ lời Thánh Vịnh, từ sự nguyện cầu... đến khi Ngọc sinh, bà cắt những chiếc áo tốt của bà làm tả cho cháu bé, lo cho Ngọc như lo cho con gái... Ngọc cũng nhớ những lần đi thăm nuôi Trung, bà Tư thường khiến vác phần nặng để phần nhẹ Ngọc xách bà bảo Ngọc không quen, còn bà đã quen cực nhọc, gồng gánh từ nhỏ. Khi Trung đi tù về, Trung làm đủ nghề, đập xích lô, bán hàng dạo, chạy hàng bỏ mối, người mẹ ấy đã tận tình, tảo tần giúp gia đình Trung kiếm từng bữa ăn, bà nhìn tất cả phần ngon, phần tốt cho con. Điều mà đến bây giờ nghĩ tới Ngọc vẫn rơm rớm nước mắt. Trước khi Trung đi tù về, ông Tư đau nặng, bao nhiêu thứ tốt quý trong gia đình phần đồ ra chạy thuốc cho ông Tư, phần mua sắm thăm nuôi Trung, khi ông Tư qua đời, gia đình như khánh tận. Các em của Trung còn làm thầy cô giáo dù vất vả, nghèo khổ đó nhưng vẫn có được củ khoai, cọng mì hơn gia đình Trung. Vào dịp Tết, nhân viên nhà nước được phân phối cho một ít vải, cô em út của Trung mua được xấp sa-tanh đen, cô đem về làm quà Tết cho mẹ. Bà Tư đưa đi may quần cho Ngọc. Đến Tết, cô Út thấy mẹ vẫn mặc chiếc quần bạc thếp, cô cần hẳn: -Tại sao mẹ lại làm như vậy, đó là quà con cho mẹ mà, thật ra con rút thăm nhằm xấp vải hoa, chị bạn được xấp sa-tanh đen đó, con phải năn nỉ và chung thêm tiền chị ấy mới chịu nhường để con làm quà cho mẹ. Mẹ hy sinh cho gia đình anh Trung cũng nhiều rồi, dù tụi con cũng nghèo, nhưng nếu mẹ chịu ở với tụi con, cũng no đủ hơn.

Mà chị Ngọc cũng kỳ nữa, nỡ lòng nào mà lấy xấp vải con cho mẹ! Mà chị Ngọc là dâu chứ có phải con gái dâu mà mẹ cứng chỉ dữ vậy.

-Bà Tư vọt cắt ngang câu nói của Lành:

- Với mẹ tất cả các con là con của mẹ, dâu hay rể mẹ không nghĩ đến điều ấy. Con đừng phân biệt như vậy không tốt, mà chị con nghe được lại buồn. Con cũng thấy với chồng con, mẹ cũng đối xử như với anh Trung con vậy. Mẹ cảm ơn con luôn thương yêu, nghĩ đến mẹ, nhưng người cần cái quần lành, tốt bây giờ là chị con chứ chưa phải là mẹ. Mẹ biết, nếu mẹ đưa xấp vải chị Ngọc con, chị không nhận đâu, nên mẹ đưa may quần cho chị con, xong mẹ mới cho, vừa với chị con thì mẹ cũng không mặc được nên chị con đành phải nhận. Mẹ già rồi, dâu cần gì sắm sửa nữa, áo quần có cũ, có rách thì mình vá may lại, vấn đề lành sạch rách thơm con ạ...

-Ngọc cũng không nhớ từ lúc nào mình đã xem gia đình Trung là gia đình mình, Ngọc không còn mang ý nghĩ phân biệt mẹ chồng, chị chồng hay em chồng, đối với Ngọc đó là gia đình của mình, nơi mình được thương yêu và nương dựa. Ngọc biết mình thay đổi khá nhiều khi sống kề cận mẹ Trung. Từ một người khá biếng nhác trong việc bếp núc, nay công việc đó lại là niềm vui của Ngọc. Từ một người khá ích kỷ, chỉ nghĩ đến mình, nay Ngọc thường chia sẻ với người khác những gì mình có. Nhưng Ngọc cũng thấy nơi người mẹ quê mùa ấy có lòng yêu Chúa chân thành, một đức tin trọn vẹn mà Ngọc vẫn chưa có được. Lắm khi Ngọc nghĩ hình như mình cũng chưa yêu chồng con được như mẹ yêu chồng con....

-Thời gian lướt nhanh thật, mới đó đã hai mươi mấy năm trôi qua mà Ngọc tưởng chừng như mới tuần rồi. Mãi mê với những tháng

ngày cũ, Ngọc không ngờ mình đã về đến nhà. Nghe tiếng xe Ngọc về, Trung vội ra đón vợ:- Lúc này anh co chạy vào thăm mẹ, thì mẹ cho biết em mới về, ngồi với mẹ một tí thấy mẹ mệt cần ngủ nên anh về. Anh về đến nhà hơn mười phút rồi chưa thấy em, anh đang lo, không biết xe cô có sao dọc đường không.

-Xe vẫn tốt, chỉ có em lang thang trở lại ngày tháng cũ, lúc mới làm vợ anh, làm dâu mẹ nên lái hơi chậm thôi...

Lòng vòng đến bốn tiệm hoa mà Ngọc vẫn chưa chọn được bình hoa nào vừa ý để tặng bà Tư, mẹ chồng của Ngọc. Những đóa hồng kiêu sa không thích hợp với tâm tính của bà, những đóa lan dài các lại càng xa cách với người mẹ vốn xuất thân từ một gia đình nông dân, những đóa cúc thì lại đơn sơ quá không nói lên được điều mà tấm lòng Ngọc muốn nói với mẹ. Lang thang qua vài con phố vẫn không tìm được món quà ưng ý, cuối cùng Ngọc quyết định tự tay làm cho bà Tư một món quà.

Thấy tay mẹ run run, Trung phụ mẹ gỡ lớp giấy gói quà, bà Tư trầm trồ:

-Ô, cây nến đẹp quá, Ngọc làm phải không con. Cám ơn con.

Ngọc chưa kịp trả lời, Út Tín nhanh nhẩu nói:

-Mẹ làm đó Nội, mẹ đổ từng muỗng sáp lên cây nến, có hồi mẹ lỡ đổ phồng tay luôn, con biết làm, nhưng con không làm cái này đâu, sợ phồng tay lắm. Mẹ bảo nội là ánh sáng soi đường cho mình đi. Đúng không nội?

-Đúng mà cũng không đúng con.

-Sao kỳ vậy?

-Chúa Giê-xu mới là sự sáng thật soi đường cho mình đi, còn mình phản chiếu ánh sáng của Chúa thôi con ạ. Bây giờ tắt đèn trong phòng, con thắp ngọn nến giúp nội đi, mỗi người mình như ngọn nến lung linh này.

-Nội đợi một chút mấy anh của con đi mua bánh về rồi mình thắp nến lên ăn bánh luôn, rồi ba với con cùng hát một bài tặng mẹ của ba và mẹ của con, đó nội là ai đó.

Bà Tư kéo Út Tín vào lòng, ngược nhìn Trung Ngọc, bà vừa cười vừa bảo:

-Thằng chó con này lém như cha nó ngày nào...

Câu Chuyện Khoa Học

## Cơn sốt có hại hay có lợi?

Khi mất ta đau, khi bắp thịt mỏi và nhiệt độ lên trên 38 độ, ta tự cho là mình bị cảm cúm và vội vàng đi lấy hai viên aspirin uống hoặc chờ đến hôm sau đi bác sĩ chẩn bệnh.

Dĩ nhiên là sau khi uống thuốc và nằm nghỉ vài hôm, ta cảm thấy bình thường trở lại. Ta cho là mình may mắn không bị bệnh nặng.

Không ai thích cảm cúm và nhất là nóng lạnh hay sốt. Nhưng y học cho hay rằng cơn sốt không phải lúc nào cũng nguy hại cả đâu. Vì chính cơn sốt đóng một vai trò rất hữu ích trong việc chống tật bệnh, và làm cho nhiệt độ xuống thật nhanh nhiều khi lại còn là tai hại.

Ông tổ của y học Tây phương đã đưa ý kiến là cơn sốt làm chết những chất dịch gây bệnh. Hồi thế kỷ thứ nhất, các bác sĩ La-mã đã chữa trị bệnh giang mai và một số bệnh khác bằng cách gây cho bệnh nhân mắc bệnh sốt rét để nhiệt độ trong người tăng lên. Đến khoảng 1900 thì phương pháp trị bệnh như thế bỗng biến mất.

Trong thế kỷ 19, người ta bắt đầu sử dụng aspirin để làm giảm sốt cũng như giảm đau nhức. Các bác sĩ đã coi sốt như là một bệnh chứ không phải triệu chứng của bệnh.

Ngày nay người ta bắt đầu xét lại căn cứ vào những thí nghiệm.

Bác sĩ Mathieu Kluger, thuộc Đại Học Y khoa Michigan đã quan sát ở loài thằn lằn, loài cá và những loài có xương sống máu lạnh khác, thì thấy rằng những con vật này thân nhiệt của chúng lên xuống tùy theo môi trường chung quanh. Khi bị bệnh, chúng thường tìm đến chỗ nào ấm hơn để ở. Loài thằn lằn thường tự làm cho thân nó ấm lên trong một khoảng có ánh nắng. Trong khi đó thì cá thích bơi lại chỗ nào nước ấm để sống.

Thí nghiệm ở loài vật, người ta cũng thấy rằng có thể gây sốt để chữa bệnh cho chúng. Thí dụ như tiêm chích vi khuẩn cho thằn lằn rồi để chúng vào các hộp có các nhiệt độ khác nhau. Người ta nhận thấy rằng, hầu hết những con nào bị bỏ vào các hộp mà nhiệt độ thấp, đều chết. Trong khi đó, hơn 90% sống trong nhiệt độ của cơn sốt thì sống. Từ đó các nhà nghiên cứu nói rằng thân nhiệt tăng cao, nghĩa là sốt lên, giúp người ta chống lại bệnh tật.

Người ta giải thích rằng, khi vi khuẩn hay vi rút xâm nhập vào cơ thể, các tế bào máu trắng có tiết ra một chất hormone khác gọi là interleukin – 1. Hormone này đi đến trung tâm điều hòa thân nhiệt ở vùng dưới đồi của não bộ và làm cho vùng này tiết ra một hormone khác, đó là prostaglandin. Hormone này làm cho nhiệt độ trong thân thể lên cao hơn nhiệt độ trung bình. Lúc ấy thân sẽ có thêm năng lượng bằng cách đốt chất béo và hoạt động của bắp thịt là run rẩy.

Chất hormone interleukin- 1 và cơn sốt mà nó gây ra, dường như là để đánh thức hệ thống phòng thủ của thân thể. Interleukin- 1 còn làm tăng tính miễn dịch bằng cách gia tăng sản xuất tế bào T, là một loại tế bào máu trắng.

Người ta nhận thấy rằng việc sản xuất tế bào chữ T và các kháng thể chống bệnh tật trong tế bào gia tăng gấp 20 lần khi nào

nhiệt độ trung bình được gia tăng 2 độ. Ngoài ra, cơn sốt trong thân thể còn làm gia tăng một chất chống virút tự nhiên của thân thể, là interferon.

Tuy nhiên nhiệt độ lên quá cao cũng rất nguy hiểm. Nhất là khi cơn sốt phát ra bất ngờ và nhanh chóng. Cơn sốt kéo dài rất nguy cho những người có chứng đau tim hay trẻ con bị bệnh kinh phong.

Quan trọng hơn cả là phải biết nguyên nhân của cơn sốt, và chỉ bác sĩ mới có thể đoán định được. Nếu nguyên nhân là vi khuẩn, thì thuốc kháng sinh sẽ hữu hiệu. Nếu nguyên nhân là virút thì nhiều khi để yên cho cơn sốt diệt virút và sẽ khỏi bệnh.

Nói như thế, nhưng nếu bạn lên cơn sốt và ngày mai phải đi làm, thì chắc chắn là phải tìm đến viên thuốc cảm đã, rồi hạ hỏi phân giải phải không?

&

Ngạn ngữ có câu: dĩ độc trị độc. Câu này đem áp dụng vào việc cứ để cơn sốt giết chết virút cho lành bệnh, cũng thật là táo bạo. Thật ra y khoa không bảo rằng hễ bị sốt thì cứ để yên rồi nó sẽ khỏi, hoặc đừng nên dùng aspirin. Y khoa chỉ bảo rằng: Mỗi khi gặp cơn sốt phải nghĩ đến việc tìm ra nguyên nhân rồi hãy chữa. Chữa bằng aspirin, chữa bằng kháng sinh hay chữa bằng chính cơn sốt đó cũng được. Điều căn bản vẫn là phải tìm ra cho đúng nguyên nhân. Đối với người thầy thuốc thì việc này không đến nỗi nan giải, nhưng với chúng ta người thường, không am tường về y học, thì quả là phiền phức. Một nhà khoa học đã nói rằng, cơn sốt đã có mặt trên mặt đất khoảng 300 triệu năm! Tôi không hiểu ông ta tính bằng phương pháp nào mà ra kết quả như thế. Nhưng tôi cho là cơn sốt có từ khi loài người có mặt trên đất. Cơn sốt có từ khi trong

não bộ con người có một trung khu điều hòa thân nhiệt. Điều hòa có nghĩa là làm tăng hay giảm nhiệt chứ không phải lúc nào cũng cho thoải mái không thôi.

Nếu cơn sốt của thân xác có từ khi con người được sinh ra đời, thì những cơn sốt của đời sống cũng có từ khi ấy.

Nhiều người nghe nói đến cơn sốt, vội nghĩ đến những trào lưu hiện đại, trong văn hóa, tư tưởng hay chính trị. Thật ra cơn sốt của đời sống là những lúc mà đầu ta nóng bừng lên với những lo lắng và sợ hãi. Những khi bão tố liên miên xảy ra. Bệnh tật, đói khổ, thất nghiệp, khốn khó và cả những cái chết nữa. Những khi ấy ta phải làm gì?

Tương tự như khi cơn sốt của thân xác xuất hiện, ta đừng vội tìm một viên aspirin cho hết sốt. Tức là những phương cách thông thường của con người: chạy xuôi ngược, nhờ thế lực này, thế lực nọ...

Đôi khi các loại aspirin này cũng hiệu quả chứ không phải là không. Tuy nhiên quan trọng hơn vẫn là bình tĩnh ngồi xuống tìm ra nguyên nhân của cơn sốt. Thường thì người trong cuộc khó thấy rõ vấn đề, vì quá chú quan, nặng ưu tư, và thành kiến. Ta cần nhờ đến một Đấng ở bên ngoài ta, biết rõ ngành ngọn của mọi nan đề. Đấng ấy là Chúa, Tạo Hóa của ta.

Ngày xưa, một lần nọ Chúa Giê-xu và các môn đệ của Ngài cùng vượt biển trong một hoàng hôn. Con thuyền vừa ra khơi thì sóng gió nổi lên. Các môn đệ chèo chống hết sức, nhưng thuyền vẫn đầy nước và có nguy cơ chìm. Trong khi ấy thì Chúa ngồi ở sau lái ngủ yên lành vì đã mệt mỗi cả ngày. Các môn đệ đánh thức Chúa, thưa rằng: “Thầy ơi, thầy không lo chúng ta chết hay sao?” Chúa thức giấc, đứng lên, chỉ tay vào sóng gió, ra lệnh: “Hãy êm đi, lặng đi!” Tức thì sóng êm gió

lặng. Chúa quay lại nói với các môn đệ rằng: “Sao các anh sợ? Không có đức tin sao?” Lúc ấy các môn đệ mới hoàn hồn, bảo nhau: “Người này là ai mà sóng gió phải vâng lệnh?”

“Cơ sở” của đời sống cũng như bão tố nguy nan mà có khi ta phải trải qua. Thái độ và phản ứng của chúng ta như thế nào?

Chúng ta chèo chống hết sức, rồi nhìn lên Chúa mà trách rằng: Tại sao Chúa im lặng? Chúa bỏ mặc con? Chúa có mặt trong đời con chẳng mà sóng gió lộng hành?

Chúng ta nên nhớ rằng Chúa không bao giờ đồng lõa với sóng gió để làm hại ta. Chúa cũng không bằng lòng để cho sóng gió hoành hành, vì bằng cớ là Ngài đã đứng lên quở sóng gió cho êm lặng.

Hơn nữa, mỗi cơn sóng gió còn mang theo những mục đích nữa: thử nghiệm, rèn luyện, khơi lại tình thầy trò, bày tỏ quyền năng của Chúa, hoặc là trắc nghiệm lòng tin... Cái im lặng của Chúa lúc nào cũng có ý nghĩa cả và chúng ta phải tôn trọng.

Ngoài ra phương pháp dẹp sóng gió của Chúa khác hẳn chúng ta. Các môn đệ hôm ấy chèo chống đã mệt, chỉ mong Chúa giúp họ một tay thì có lẽ qua cơn sóng gió. Nhưng Chúa chỉ đứng lên phán một lệnh thì sóng gió yên lặng.

Chúa không theo phương pháp của loài người trong việc xử lý nan đề, vì Chúa có quyền năng siêu việt. Chúa không bị bả o tố ảnh hưởng, Chúa đã nói thẳng với cơn bão. Chúa đã giải quyết vấn đề từ gốc rễ. Đó là phương pháp của Chúa.

Sau khi sóng êm gió lặng, Chúa quay lại hỏi các môn đệ: “Tại sao các anh sợ? Không có đức tin sao?”

Đức tin là gì? Theo một định nghĩa thì đức tin là cái nhìn lên Chúa. Hay nói khác đi là mối quan hệ với Chúa. Các môn đệ khi

đối diện với sóng gió không thấy gì khác hơn là nước và sức mạnh xô đẩy. Họ chỉ biết chèo chống với sức của các ngư phủ. Họ quên hẳn một thứ quyền năng mà họ có ngay trên thuyền. Chúa không thể để con thuyền ấy chìm, vì Chúa ngồi trên đó.

Chúa trách họ không có lòng tin, vì họ sống ngay bên cạnh Chúa mà chẳng ý thức gì về quyền năng của Ngài cả. Không có quan hệ nào với Chúa, mặc dù vẫn gọi Chúa là Thầy! Đó là không có đức tin.

Nhiều người ngày nay trước sóng gió của đời sống, hay những cơn sốt, mới bắt đầu quay về Chúa để cầu cứu, xin phép lạ. Trước đó, chẳng có quan hệ nào với Chúa cả – không có đức tin gì cả.

Ta nên nhớ rằng người tin Chúa và người không tin Chúa đều gặp bão tố như nhau, nhưng ai có quan hệ thật với Chúa, thì phản ứng với sự cố sẽ hoàn toàn khác hẳn.

Giữa cơn sốt của cuộc đời, bạn có nghe Chúa phán bảo: Sao con sợ? Không có đức tin sao?

Hãy trả lời với Chúa các câu hỏi này mỗi khi cơn sốt xảy ra cho bạn. Nên nhớ rằng, hễ có Chúa ngồi trên con thuyền của đời ta và ta có quan hệ mật thiết với Chúa mỗi ngày giờ, thì thuyền không thể đắm được!!!

Nguyễn Sinh

## Khác Biệt Giữa Nam và Nữ

Khác biệt giữa đàn ông và đàn bà không ở đâu xa mà nằm ngay trong não bộ. Não của nam và nữ khác nhau về cỡ độ, cấu trúc và tính nhạy bén. Não bộ phụ nữ nhỏ hơn khoảng 15% so với nam giới.

Nhưng phần khả dụng của bộ não phụ nữ thường có mật độ tế

bào thần kinh dày hơn. Đây mới chính là điểm làm cho hai bộ não nam và nữ khác nhau.

Khi người nam sử dụng bộ não thì nơ-rôn thần kinh hoạt động mạnh ở một số vùng nhất định. Nhưng khi phụ nữ suy nghĩ, những tế bào thần kinh trong não của họ sáng lên, kết nối với nhau trên một bề mặt rộng hơn.

Một trong những giải thích về sự khác biệt giữa hai giới là một cái cầu tên là callosum nối hai phần của não bộ ở bên dưới. Não phụ nữ có chiếc cầu dày hơn của nam giới, làm cho việc trao đổi chéo giữa hai bán cầu não được thực hiện. Có người cho rằng có lẽ vì vậy mà phụ nữ nhiều trực giác hơn là nam giới.

Bộ não phụ nữ phản ứng mạnh hơn đối với các sự kiện thuộc lĩnh vực tình cảm. Tiến sĩ Mark George đã tiến hành nhiều thử nghiệm quan sát não bộ của cả hai giới trong lúc họ đang nhớ lại những cảm xúc quá khứ của họ. Ông phát hiện một điều thú vị là: hai giới phản ứng trước cảm xúc hoàn toàn khác nhau, đặc biệt là với nỗi buồn. Cùng liên quan đến một trạng thái tình cảm, những nơ-rôn gây sâu muộn ở đàn bà thương lan tỏa trên một diện tích rộng gấp 8 lần so với nam giới. Có lẽ vì thế mà nguy cơ mắc bệnh trầm cảm ở phụ nữ gấp hai lần nam giới.

Bộ não của phụ nữ còn có khả năng giúp họ hiểu tình cảm của người khác tốt hơn nam giới. Tiến sĩ Raquel Gur, chuyên gia về thần kinh của Đại Học Pennsylvania đã tiến hành một số thử nghiệm trên phụ nữ và nam giới. Những người tham gia được xem các khuôn mặt của diễn viên khi họ biểu lộ tình cảm. Cả hai giới đều nhận ra ngay những nét mặt mô tả hạnh phúc, nhưng người nam tỏ ra khó khăn hơn trong việc nhận biết nỗi buồn của các diễn viên này.

Phụ nữ thường biểu lộ qua lời nói. Lý do là nữ giới có xu hướng

học nói sớm hơn và đọc chữ nhanh hơn nam giới. Có thể phụ nữ sử dụng những nơ-rôn thần kinh ở cả hai bán cầu não khi họ đọc. Còn nam giới chỉ sử dụng một phần số nơ-rôn ở bán cầu não trái.

Phụ nữ định hướng khác hẳn nam giới. Trên đường đi, phụ nữ thường để ý đến những gì nhìn thấy, đặc biệt là những nơi có dấu hiệu lạ. Chẳng hạn như một quán cà-phê ở góc phố, hay một nhà thờ đối diện với sân trường học. Khi nhớ lại đường đi, phụ nữ thường liên tưởng đến những dấu hiệu (land mark) như thế. Trong khi đó đàn ông hay nghĩ tới phương hướng và khoảng cách. Nói chung, đàn ông định hướng không gian tốt hơn, và thường đạt điểm cao hơn trong những bài toán, như đoán một vật quay ở không gian ba chiều.

Một quan sát của nhà tâm lý Thomas Cook ở 500 người gồm cả nam lẫn nữ cho thấy rằng, ở mọi lứa tuổi, trí nhớ của nữ giới trội

hơn hẳn nam giới. Phụ nữ đặc biệt nhớ giỏi những cái tên trong một danh sách đi liền với gương mặt.

Bộ óc nữ giới lão hóa chậm hơn nam giới. Não bộ nam giới thường co lại nhanh hơn so với nữ giới. Vì thế đàn ông sút giảm trí nhớ nhanh hơn đàn bà. Lý do là cùng với quá trình già đi của thân thể, não phụ nữ dùng ít năng lượng hơn, trong khi não đàn ông dùng rất nhiều năng lượng so với khi còn trẻ.

Thật ra không cần phân tích nhiều, ta cũng thấy đàn ông và đàn bà đã có những khác nhau về căn bản thân xác và giới tính. Nhưng bài nghiên cứu kể trên của báo Reader's Digest cho thấy khác biệt trong não bộ là trung khu tư tưởng của con người.

Nhưng có lẽ nhiều người chưa biết đàn ông và đàn bà còn có nhiều điểm giống nhau.

Điểm giống nhau đầu tiên là đàn ông và đàn bà đều được tạo

dựng nên từ cát bụi, và cũng sẽ trở về cát bụi.

Điểm giống thứ hai là đàn ông và đàn bà đều phạm tội như nhau và cùng bị Thượng Đế loại ra khỏi vườn địa đàng Ê-đen.

Điểm thứ ba, đàn ông và đàn bà đều sẽ bị trừng phạt tội như nhau, dù có khác nhau về nhiều mặt.

Điểm thứ tư, đàn ông và đàn bà đều cùng được cứu ra khỏi tội và được tái tạo nên người mới, nếu tin nhận Chúa Giê-xu là đấng đã hi sinh chết chuộc tội cho tất cả.

Điểm thứ năm, đàn ông và đàn bà đều được hưởng đời sống vĩnh hằng, nếu chân thành tin Chúa và được tha tội.

Điểm thứ sáu, đàn ông và đàn bà đều có thể đến với Chúa để nhận nhiệm vụ làm nhân chứng cho Ngài.

Còn nhiều điểm giống nhau nữa, mời các bạn tiếp nối....

### Hạnh Phúc

Kodak là tên của phim chụp ảnh mà mọi người trên thế giới đều quen thuộc. Nhưng chắc ít người biết đến cái tên George Eastman, cha đẻ của Kodak. George Eastman sinh năm 1854 và chết năm 1932. Năm 1879 Eastman sáng chế ra máy tráng hóa chất bắt ánh sáng trên kính, mở đầu cho ngành phim chụp ảnh. Năm 1884 Eastman chế ra phim bằng nhựa quấn lại được. Năm 1888 chế ra chiếc máy ảnh Kodak đầu tiên với giá 25 đô-la. Sau đó Eastman sáng lập ra hãng chế tạo phim ảnh và máy chụp ảnh tại Rochester, bang New York, Hoa-kỳ. Đầu thế kỷ 20 Eastman đã là triệu phú, sống trong một toà nhà có 30 phòng. Trong phòng ăn có một chiếc đại phong cầm, và mỗi bữa ăn, có một nhạc sĩ chơi đàn cho ông nghe.

Một hôm nọ, theo thường lệ, Eastman ra phòng ăn, ăn điểm tâm và nghe nhạc, sau đó nói chuyện với các cấp chỉ huy trong công ty để bàn kế hoạch.

Nhưng rồi ông trở về phòng ngủ, buồn rầu tuyệt vọng, rút khẩu súng, bắn một phát vào đầu, tự kết liễu đời mình. Đó là đúng năm 1932.

Eastman có tất cả mọi thứ trên đời này, nhưng chắc chắn là thiếu hạnh phúc thật. Tiếc thay, Eastman không có gì đảm bảo hạnh phúc cho mình, vì ông chưa tìm đến nguồn ban hạnh phúc là Thượng Đế, là Chúa..